

Số: ~~417~~ /BC-UBND

Quảng Bình, ngày 01 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023
VÀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024

PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XVII, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; là thời điểm tổ chức sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp để có những giải pháp phù hợp phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025.

Triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2023 trong điều kiện tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn. Sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh phục hồi chậm, nhiều doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn do tác động của chính sách tiền tệ, lãi suất tăng, khó tiếp cận nguồn vốn vay từ hệ thống ngân hàng. Tình hình thị trường bất động sản trầm lắng làm ảnh hưởng đến nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất. Các khoản nợ đọng thuế có chiều hướng gia tăng, nhất là các khoản thu liên quan tới đất đai tại dự án khu đô thị, khu dân cư thực hiện bằng nguồn vốn ngoài ngân sách... Những khó khăn, thách thức này đã, đang tác động mạnh mẽ đến việc hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung, công tác thu và điều hành cân đối thu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh nói riêng.

Tuy vậy, nhờ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, sự chủ động tích cực của các cấp, các ngành, các đơn vị, sự ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp, sự đồng thuận của nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực; trong đó việc điều hành và thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cơ bản hoàn thành tiến độ Nghị quyết của HĐND tỉnh, góp phần duy trì ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương, cụ thể:

A. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023.

Trước tình hình khó khăn của nền kinh tế nói chung và để thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách năm 2023, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành và triển khai thực hiện nhiều văn bản chỉ đạo nhiều giải pháp tăng thu ngân sách, chỉ đạo ngành Thuế tập trung phân tích, đánh giá cũng như tìm giải pháp cụ thể cần tập trung triển khai, đặc biệt là cần tập trung rà soát, xác định chính xác những nguồn thu còn tiềm năng, nguồn thu chưa khai thác hết, còn dư địa để tổ chức giao nhiệm vụ đến từng cán bộ công chức, đến từng đơn vị, từng địa bàn để thực hiện, khai thác tăng thu, bù đắp các khoản hụt thu; tăng cường thanh tra, kiểm tra chống thất thu ngân sách, thu hồi nợ thuế, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN năm 2023.

Bên cạnh đó, ngành Thuế tiếp tục thực hiện tốt các gói hỗ trợ cho doanh nghiệp, tháo gỡ kịp thời những khó khăn cho doanh nghiệp, tạo đà cho doanh nghiệp và người dân nhanh chóng khôi phục hoạt động sản xuất - kinh doanh, phát triển ổn định, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu bền vững cho NSNN; tập trung vào các giải pháp tìm kiếm nguồn thu, bù đắp một số khoản thu, sắc thuế có thể giảm; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; công tác quản lý, đơn đốc thu hồi nợ; công tác hoàn thuế; thực hiện công tác kỷ luật, kỷ cương trong toàn ngành.

Tổng thu ngân sách nhà nước ước thực hiện cả năm đạt 13.662 tỷ đồng, đạt 98,4% so với dự toán Trung ương giao, đạt 90% so với dự toán địa phương, giảm 20,88% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó:

I. Thu tại địa bàn:

Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2023 HĐND tỉnh giao là 15.144 tỷ đồng, trong đó thu tại địa bàn là 7.000 tỷ đồng, thu bổ sung ngân sách Trung ương là 7.355 tỷ đồng. Ước năm 2023 đạt 13.662 tỷ đồng, đạt 98,5% so với dự toán Trung ương giao, đạt 90% so với dự toán địa phương, giảm 20,88% so với năm 2022.

1. Thu nội địa

Dự toán giao thu ngân sách tại địa bàn năm 2023 Trung ương giao là 5.887 tỷ đồng; HĐND tỉnh giao là: 6.152 tỷ đồng. Ước năm 2023 đạt: 5.087 tỷ đồng, đạt 86% dự toán Trung ương giao; đạt 78% dự toán địa phương giao, giảm 37% so với thực hiện năm trước. So với dự toán năm: Có 11/17 khoản thu đạt dự toán cả năm, là thu từ DNNN TƯ, thu từ DNNN ĐP, thu NQD, thu phí lệ phí, thu tiền sử dụng đất PNN, thu XSKT, thu cấp quyền KTKS, thu tiền sử dụng KV biên, thu khác ngân sách, thu hoa lợi công sản và thu cổ tức LNST; còn lại 6 khoản

không hoàn thành dự toán năm. So cùng kỳ: Có 8/17 khoản có tăng trưởng so với cùng kỳ, là thu từ DNNN TW, thu từ DNĐP, thu NQD, thuế BVMT, thu phí lệ phí, thu XSKT, thu cấp quyền khai thác khoáng sản, thu tiền sử dụng khu vực biển; còn lại 9 khoản giảm thu so với cùng kỳ.

Đánh giá kết quả thu ngân sách ở một số lĩnh vực, sắc thuế chủ yếu:

- *Thu từ khu vực DNNN trung ương*: Ước thực hiện được 213 tỷ, đạt 119% dự toán và bằng 113% so cùng kỳ. Nguyên nhân đạt cao so dự toán và so cùng kỳ là ước Công ty CP TĐ Nam Mê Kông nộp 56 tỷ.

- *Thu từ khu vực DNNN địa phương*: Ước thực hiện được 104 tỷ, đạt 132% dự toán và bằng 127% so cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty bia Hà Nội - Quảng Bình (đơn vị có số nộp chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu thu ngân sách khu vực DNĐP) được Tổng Công ty phân bổ sản lượng về cho Chi nhánh nên nộp thuế tăng mạnh.

- *Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN*: Ước thực hiện được 70 tỷ, đạt 18,9% dự toán và bằng 49% so cùng kỳ.

Nguyên nhân thu ĐTNN thấp do năm 2023 giao dự toán 250 tỷ đồng cho dự án nhiệt điện Quảng Trạch, tuy nhiên dự án này chưa đạt tiến độ triển khai theo dự kiến, dẫn đến số thuế phát sinh đạt thấp và không đạt dự kiến. Ngoài ra các đơn vị xi măng có số nộp lớn năm 2022 như Công ty TNHH vật liệu XD Việt Nam, Công ty TNHH VLXD Xi măng SCG Việt Nam ước nộp 2023 thấp do hoạt động kinh doanh không hiệu quả, giá nhiên liệu đầu vào tăng mạnh.

- *Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh*: Ước thực hiện được 856 tỷ, đạt 109% dự toán và bằng 128% so cùng kỳ. Nguyên nhân thu cao do trong năm có thu nợ 49 tỷ đồng thuế GTGT của Tập đoàn Vingroup, thêm vào đó, các Công ty Điện gió đã đi vào hoạt động ổn định, số thuế phát sinh tăng cao so với cùng kỳ.

- *Thuế thu nhập cá nhân*: Ước thực hiện được 220 tỷ, đạt 58% so dự toán và bằng 72% so với cùng kỳ. Nguyên nhân thu đạt thấp chủ yếu do thị trường BĐS trầm lắng, nhu cầu mua sắm, chuyển nhượng BĐS giảm mạnh

- *Thuế bảo vệ môi trường*: Ước thực hiện được 400 tỷ, bằng 86% so dự toán giao và bằng 133% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do việc thực hiện các Nghị quyết 30/2022/UBTVQH15 về việc giảm 50% mức thuế BVMT đã làm giảm nguồn thu thuế BVMT trên địa bàn.

- *Thu lệ phí trước bạ*: Ước thực hiện được 220 tỷ, đạt 56% dự toán và bằng 61% so với cùng kỳ.

- *Thu tiền sử dụng đất*: Ước thực hiện được 2.100 tỷ, đạt 84% dự toán TU giao, đạt 70% dự toán tình giao và bằng 41,7% so cùng kỳ. Nguyên nhân chủ

yếu là do thị trường bất động sản trầm lắng, việc tổ chức đấu giá các dự án gặp nhiều khó khăn và không thành công.

- *Thu tiền thuê đất*: Ước thực hiện được 295 tỷ, đạt 131% dự toán trung ương giao, đạt 88% dự toán tỉnh giao và bằng 64% so với cùng kỳ.

- *Thu phí và lệ phí*: Ước thực hiện được 233 tỷ, đạt 101% dự toán và bằng 102% so với cùng kỳ.

- *Thu khác ngân sách*: Ước thực hiện được 211 tỷ, đạt 124% so dự toán và bằng 91% so với cùng kỳ.

- *Thu thuế SD đất PNN*: Ước thực hiện được 13 tỷ, đạt 167% so dự toán trung ương giao, đạt 133% dự toán tỉnh giao và bằng 90% so với cùng kỳ.

- *Thu cấp quyền khai thác khoáng sản*: Ước thực hiện được 49 tỷ, đạt 132% dự toán và bằng 138% so cùng kỳ. Nguyên nhân vượt dự toán và tăng so với cùng kỳ do thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản một lần của các mỏ phục vụ thi công đường cao tốc Bắc Nam.

- *Thu cấp quyền sử dụng khu vực biển*: Ước thực hiện được 3 tỷ, đạt 100% dự toán

- *Thu hoa lợi công sản*: Ước thực hiện được 19,4 tỷ, đạt 138,6% dự toán và bằng 83% so với cùng kỳ.

- *Thu xổ số kiến thiết*: Ước thực hiện được 75 tỷ, đạt 136% dự toán và bằng 132% so với cùng kỳ.

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đã được triển khai tích cực song số nợ thuế vẫn đang còn ở mức cao. Tính đến thời điểm 31/10/2023, bằng các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế đã thu được 828 tỷ đồng (thu bằng biện pháp quản lý nợ là 515 tỷ đồng, thu bằng biện pháp cưỡng chế nợ thuế là 313 tỷ đồng); trong đó thu tiền thuế nợ năm trước: 314 tỷ đồng.

- Ước đến ngày 31/12/2023 tổng nợ thuế toàn tỉnh là: 776,2 tỷ đồng, giảm 233,7 tỷ đồng, bằng 76,8% so với thời điểm 31/12/2022. Trong đó:

+ Nợ khó thu (không có khả năng thu): 76,9 tỷ đồng; trong đó nợ của các đơn vị giải thể, phá sản, bỏ địa điểm kinh doanh xử lý theo Nghị quyết 94/2019/QH14 và theo Luật 38/2019/QH14: 4,2 tỷ đồng, nợ các đơn vị được phân loại sang nợ khó thu theo Quyết định số 1129/QĐ-TCT ngày 20/7/2022: 72,7 tỷ đồng), chiếm 10%, giảm 127,6 tỷ đồng và bằng 37,6% so với thời điểm 31/12/2022 (do phân loại nợ của Công ty CP Chất lượng cao Linh Thành từ nợ khó thu sang nợ có khả năng thu 127,7 tỷ đồng; đơn vị phát sinh doanh thu SXKD mở hóa đơn lẻ).

+ Nợ có khả năng thu là 699,2 tỷ đồng, chiếm 90%, giảm 106 tỷ đồng, so

với thời điểm 31/12/2022 bằng 86,8%.

Nguyên nhân ảnh hưởng đến nợ thuế:

- Do gặp khó khăn trong quá trình SXKD, thu hồi công nợ, khả năng thanh toán thấp dẫn đến nợ thuế như: Công ty CP sản xuất VLXD Cosevco I: 74,5 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Quảng Bình 36,7 tỷ đồng; Công ty TNHH Việt Hà: 9,2 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Phúc QB: 17,2 tỷ đồng, Công ty CP Khoáng sản Đá Việt: 16,2 tỷ đồng.

- Một số doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực hoạt động khai thác khoáng sản, khu nghỉ dưỡng chậm triển khai làm phát sinh khoản nợ tiền thuê đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền chậm nộp như: Công ty CP bột đá chất lượng cao Linh Thành 126,8 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Cosevco 6: 16 tỷ đồng; Công ty CP du lịch Sài Gòn QB: 9,9 tỷ đồng....

- Có đơn vị nợ lớn về thuế bảo vệ môi trường là Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Hưng Phát: 31,1 tỷ đồng.

- Có các đơn vị phát sinh số nợ lớn trong năm về tiền thuê mặt đất thu một lần cho cả thời gian thuê: Công ty Cổ phần tập đoàn FLC: 65 tỷ đồng, Công ty TNHH Sơn Hải Riverside: 53,7 tỷ đồng, Công ty CP Việt Group Central: 21,8 tỷ đồng, Công ty CP TĐ đầu tư Trường Sơn: 14,7 tỷ đồng và nợ tiền sử dụng đất của Công ty TNHH Xây dựng Việt Tiến: 54,5 tỷ đồng.

2. Thu thuế xuất nhập khẩu:

Thu thuế xuất nhập khẩu Trung ương giao chỉ tiêu thu 265 tỷ đồng, HĐND tỉnh giao 500 tỷ đồng. Ước thực hiện năm 2023 là: 615 tỷ đồng, bằng 232% so với dự toán Trung ương giao, bằng 123% dự toán địa phương giao.

Nguyên nhân tăng thu so với cùng kỳ năm 2022: Trong 10 tháng từ đầu năm 2023, số thu tăng từ các mặt hàng có thuế xuất nhập khẩu thường xuyên như: đường nhập khẩu tăng 59%, gỗ nhập khẩu tăng 43%, quặng sắt nhập khẩu tăng 7%, đá vôi xuất khẩu tăng 100%; Clinker xuất khẩu tăng 11%, dăm gỗ xuất khẩu tăng 5%. Đặc biệt, 10 tháng đầu năm 2023, phát sinh mặt hàng máy móc thiết bị nhập khẩu thuộc danh mục miễn thuế của các Dự án đầu tư với số thu cao hơn 183 tỷ đồng (chiếm 37% tổng số thu toàn đơn vị, trong đó, riêng số thu từ Dự án Nhiệt điện Quảng Trạch I là 174,6 tỷ đồng). Từ tháng 9/2023 đến nay, tại đơn vị phát sinh mặt hàng nước tăng lực nhập khẩu xuất xứ Thái Lan (của một số doanh nghiệp thường xuyên làm thủ tục qua Chi cục hải quan cửa khẩu Cầu Treo Hà Tĩnh, do sạt lở đường thuộc tỉnh Bô Ly Khăm Xay (Lào) đã làm cho con đường từ Cửa khẩu Cầu Treo đi nước Lào và ngược lại bị ách tắc, do đó các doanh nghiệp nhập khẩu hàng về qua đường cửa khẩu Cha Lo) mang

lại số thu 132,2 tỷ đồng (chiếm 26,7% tổng số thu toàn đơn vị), dẫn đến số thu thuế 10 tháng đầu năm 2023 tăng 181% so với cùng kỳ năm 2022.

II. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương:

Trong năm, Bộ Tài chính đã bổ sung kinh phí kịp thời theo dự toán, cũng như các khoản ngoài dự toán, các khoản chế độ tăng thêm và các chính sách về an sinh xã hội theo chế độ quy định.

III. Về thu ngân sách các huyện, thị xã, thành phố:

Dự toán giao thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2023 do Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho các huyện, thị xã, thành phố là 4.057 tỷ đồng. Ước đạt 3.106 tỷ đồng, đạt 76,56% so với dự toán tỉnh giao, trong đó cụ thể các địa phương thực hiện như sau: Huyện Minh Hóa ước đạt 81,58%; Tuyên Hóa đạt 112,68%; Quảng Trạch đạt 88,76%; Ba Đồn đạt 84,51%; Bố Trạch đạt 78,22%; Đồng Hới đạt 84,04%; Quảng Ninh đạt 48,22% và huyện Lệ Thủy đạt 54,84%.

B. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG.

Trong bối cảnh thu ngân sách nhà nước khó khăn trong khi nhu cầu chi ngân sách vẫn phải đảm bảo nên ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời cho các ngành, các cấp về điều hành chi NSNN đảm bảo chặt chẽ, triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên ngay từ dự toán đầu năm và trong quá trình điều hành; sử dụng ngân sách hiệu quả, đúng chế độ quy định, lồng ghép các chính sách, xây dựng phương án tiết kiệm để thực hiện ngay từ khâu phân bổ dự toán và trong quá trình thực hiện; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi, cắt giảm tối đa các khoản chi phát sinh ngoài dự toán. Các nhiệm vụ chi ngân sách đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng chống dịch bệnh, các chính sách an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng hưởng lương, lương hưu và trợ cấp xã hội từ NSNN.

Công tác thanh tra tài chính được tăng cường thực hiện góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị, cá nhân và doanh nghiệp; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính. Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý ngân sách, tài sản nhà nước, mua sắm tài sản công...

Dự toán chi NSNN năm 2023, HĐND tỉnh quyết định là 14.354 tỷ đồng; dự toán chi ngân sách cơ bản bám sát dự toán được giao. Chi ngân sách địa phương ước thực hiện năm 2023 đạt dự toán giao.

I. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 12.305 tỷ đồng, đạt 88% dự toán giao. Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển:

Ước đạt 3.198 tỷ đồng, bằng 94% dự toán Trung ương giao, bằng 86% dự toán địa phương giao (bao gồm thanh toán kế hoạch vốn kéo dài năm 2022 chuyển sang và nguồn bổ sung từ nguồn vượt thu, dự phòng ngân sách các cấp, nguồn bổ sung có mục tiêu thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia).

Năm 2023 tiếp tục xác định việc đẩy mạnh công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành, địa phương nhằm tạo việc làm, kích cầu thị trường, tăng thu ngân sách... góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã quán triệt xác định đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết, là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện để thúc đẩy quá trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.

Mặc dù UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục tập trung triển khai quyết liệt các giải pháp, đẩy nhanh tiến độ giải ngân, xác định rõ đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế để đạt kế hoạch giao nhưng tình hình giải ngân vốn đầu tư công còn chậm, lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng 11 năm 2023 đạt 66,9% so với kế hoạch giao, cao hơn mức bình quân chung cả nước (65,1%), phần đầu đạt tỷ lệ giải ngân cao nhất theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ.

2. Chi thường xuyên:

Ước đạt 7.221 tỷ đồng, đạt 97% dự toán địa phương giao. Năm 2023 điều hành chi ngân sách cơ bản theo tiến độ dự toán; công tác quản lý, điều hành chi ngân sách thực hiện đúng quy định, đảm bảo được các nhiệm vụ chi theo dự toán HĐND tỉnh giao. Tập trung kinh phí thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đáp ứng kịp thời kinh phí cho các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh và thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, quan trọng khác của tỉnh.

3. Chi trả nợ do chính quyền địa phương vay

Căn cứ dự toán chi ngân sách địa phương và nguồn tài chính của địa phương đã thực hiện thanh toán nợ gốc, lãi, phí và các chi phí khác liên quan đến khoản vay của chính quyền địa phương theo quy định. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp để thực hiện nhiệm vụ quản lý nợ của chính quyền địa phương từ khâu đề xuất các khoản vay, thực hiện vay, quản lý và sử dụng khoản vay chấp hành theo các quy định của Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương; Nghị định 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 về

sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 97/2018/NĐ-CP và quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Số dư các khoản vay nợ đến 31/12/2022 : 516.978 triệu đồng.
- Số đã thực hiện trả nợ theo cam kết : 65.344 triệu đồng.
- Kế hoạch vay trong năm : 344.700 triệu đồng.
- Dự kiến rút vay đến 31/12/2023 : 178.467 triệu đồng.
- Dự kiến dư nợ đến 31/12/2023 : 707.539 triệu đồng.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính

Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính hàng năm 1.000 triệu đồng, theo dự toán Chính phủ giao.

Số dư quỹ năm 2022 chuyển sang là 26.320 triệu đồng, trong năm bổ sung Quỹ từ dự toán 1.000 triệu đồng, bổ sung quỹ từ nguồn kết dư năm 2021, số tiền 19.013 triệu đồng, bổ sung từ nguồn vượt thu 2021 số tiền 45.300 triệu đồng, số dư Quỹ đến nay là 90.773 triệu đồng.

5. Chi dự phòng ngân sách

Nguồn dự phòng thuộc dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 giao đầu năm là 309.446 triệu đồng, trong đó dự phòng ngân sách cấp tỉnh 176.697 triệu đồng, dự phòng ngân sách huyện 132.736 triệu đồng. Trong năm, UBND tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo hạn chế sử dụng nguồn dự phòng để bù thụt thu ngân sách, Trong 11 tháng ngân sách cấp tỉnh đã sử dụng nguồn dự phòng 46.222 triệu đồng, ngân sách cấp huyện đã sử dụng nguồn dự phòng 100.079 triệu đồng (gồm chi hỗ trợ thiệt hại do bệnh dịch, chi lắp đặt cụm đèn điều khiển tín hiệu giao thông, kinh phí phục vụ diễn tập...).

II. Chi vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Năm 2023, Trung ương giao bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ và bổ sung vốn thực hiện các Chương trình MTQG với tổng dự toán là 2.586 tỷ đồng. Ước thực hiện: 1.698 tỷ đồng đạt 65,68% dự toán Trung ương giao.

1. Tổng nguồn vốn sự nghiệp thực hiện 03 Chương trình MTQG năm 2023 năm 2023: 366.616 triệu đồng. Nguồn vốn năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023: 120.049 triệu đồng. Thực hiện đến ngày 12/11/2023: 65.823 triệu đồng. Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn sự nghiệp thực hiện 03 Chương trình MTQG năm 2023 đến 12/11/2023: 14%. Trong đó: (1) Chương trình MTQG Nông thôn mới: 31%; (2) Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: 16%; (3) Chương trình MTQG Phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN: 8%.

2. Tổng nguồn Trung ương thuộc vốn đầu tư thực hiện 03 Chương trình MTQG năm 2023: 365.738 triệu đồng. Vốn KH năm trước được phép kéo dài: 243.697 triệu đồng. Ước thực hiện đến hết tháng 11/2023: 348.983 triệu đồng. Tỷ lệ giải ngân ước thực hiện của 03 chương trình đến hết tháng 11/2023: 57%. Trong đó: (1) Chương trình MTQG Nông thôn mới: 76%; (2) Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: 82%; (3) Chương trình MTQG Phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN: 42%.

III. Cân đối thu - chi ngân sách năm 2023:

Cân đối ngân sách địa phương năm 2023 được đảm bảo, các khoản vay nợ đến hạn được trả kịp thời. Điều hành chi ngân sách cơ bản theo dự toán, đảm bảo kịp thời mọi hoạt động của các cấp các ngành và các cơ quan, đơn vị; tập trung kinh phí thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đáp ứng kịp thời kinh phí cho các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, đặc biệt kinh phí thực hiện phòng chống dịch bệnh, hạn hán và thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, quan trọng khác của tỉnh.

Năm 2023 dự kiến toàn tỉnh hụt thu khoảng 1.370 tỷ đồng, trong đó thu sử dụng đất hụt thu khoảng 900 tỷ, thu cân đối hụt khoảng 470 tỷ. Ngay từ đầu năm UBND tỉnh đã dự báo tình hình khó khăn, đã xây dựng kịch bản hụt thu ngân sách, đã ban hành nhiều văn bản đôn đốc công tác thu ngân sách và chỉ đạo tăng cường công tác quản lý chi ngân sách, sẵn sàng các nguồn lực để dự phòng hụt thu ngân sách. Theo đó đối với nguồn vượt thu ngân sách năm 2022, UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương giữ lại, riêng ngân sách tỉnh đã giữ lại hơn 1000 tỷ đồng vượt thu 2022 chưa phân bổ để dự phòng hụt thu 2023, đồng thời trong dự toán đầu năm đã dự phòng hụt thu cân đối 100 tỷ đồng, nguồn dự phòng, quỹ dự trữ tài chính đang dự phòng để bù hụt thu cân đối. Do đó cân đối thu chi ngân sách năm 2023 vẫn đảm bảo.

PHẦN THỨ HAI

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024 VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Năm 2024 là năm có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng tốc thực hiện và phân đầu hoàn thành mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021-2025, góp phần triển khai các mục tiêu của Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030. Căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2023; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2024 của tỉnh; căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 13/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch

phát triển KT-XH và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; căn cứ vào dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 đã được Chính phủ và Bộ Tài chính giao, UBND tỉnh xây dựng dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước tỉnh năm 2024, cụ thể như sau:

(Số liệu chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo)

I. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

1. Thu ngân sách năm 2024

Dự toán thu Ngân sách năm 2024 được xây dựng tích cực, khả thi với tinh thần phấn đấu, nỗ lực cao nhất, theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ, nuôi dưỡng nguồn thu. Phấn đấu dự toán thu nội địa năm 2024 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế tăng khoảng 5 - 7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2023 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách); mức tăng trưởng thu tại từng địa phương phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh tại từng địa bàn, trên cơ sở tính đến cả yếu tố tăng cường quản lý thu, chống thất thu và thu hồi nợ thuế. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2024 tăng bình quân khoảng 4-6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2023.

Dự toán thu NSNN năm 2024 phải được xây dựng theo đúng các quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý thuế và các Luật về thuế, phí, lệ phí và các văn bản pháp luật khác có liên quan, đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu của NSNN. Dự toán thu được xây dựng trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 Luật NSNN và các quy định pháp luật có liên quan. Cơ quan Tài chính, Thuế, Hải quan, phối hợp với các cơ quan liên quan ở địa phương chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu NSNN theo quy định. Dự toán thu NSNN tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu ngân sách, không dành dư địa để địa phương giao chỉ tiêu phấn đấu thu ngân sách; phân tích đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2024 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai, tác động ngân sách do thực hiện các chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế.

Năm 2024, tiếp tục ổn định tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP như năm 2023. Căn cứ tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP (phần NSDP được hưởng) đã được Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua dự toán năm 2023 để xác định dự toán thu NSDP được hưởng năm 2024 của ngân sách từng

cấp chính quyền địa phương đảm bảo đúng quy định Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn liên quan.

UBND tỉnh dự kiến một số khoản thu năm 2024 cụ thể như sau:

- Dự toán tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024: 6.101.960 triệu đồng, bằng 87,2% so với dự toán năm 2023, tăng 7% so với ước thực hiện năm 2023, trong đó:

- Thu nội địa: 5.370.000 triệu đồng, bằng 82,6% so với dự toán năm 2023, tăng 5,5% so với ước thực hiện năm 2023, bằng dự toán trung ương giao.

- Thu thuế xuất nhập khẩu dự kiến: 700.000 triệu đồng, bằng 140% dự toán 2023, tăng 13,8% số ước thực hiện năm 2023 và bằng dự toán trung ương giao.

- Ghi thu ghi chi vốn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ: 31.960 triệu đồng.

- Tổng thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 8.591.329 triệu đồng, tăng 16,8% so với dự toán 2023.

- Thu vay lại Chính phủ năm 2024: 241.900 triệu đồng.

- Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 còn dư chuyển sang để thực hiện CCTL năm 2024: 148.021 triệu đồng.

2. Chi ngân sách nhà nước năm 2024

Dự toán chi NSNN năm 2024 được xây dựng bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN được HĐND tỉnh thông qua.

Dự toán chi NSNN năm 2024 được xây dựng trên nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí, sát khả năng thực hiện, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2023, rà soát các nhiệm vụ trùng lặp; nhiệm vụ dở dang tiếp tục thực hiện năm 2024; sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ phát sinh mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện, dự toán NSNN thực hiện phù hợp với khả năng huy động, cân đối các nguồn lực (bao gồm cả nguồn hợp pháp khác theo quy định).

Xây dựng dự toán chi NSDP trên cơ sở nguồn thu NSDP được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP xác định bằng số được giao dự toán năm 2023, số bổ sung từ NSTW cho NSDP để thực hiện mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng tính cho cả 12 tháng năm 2024 sau khi đã sử dụng nguồn cải cách tiền lương theo quy định của địa phương, bao gồm các khoản bổ sung có mục tiêu đối với các địa phương được thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết của Quốc hội. Căn cứ mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế -

xã hội cả giai đoạn 2021 - 2025, trong đó bám sát vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của địa phương; ước thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2023 để xây dựng dự toán chi NSDP chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành.

Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN được xây dựng theo các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với các nghị quyết, kết luận của Ban chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân các cấp về phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 và các nhiệm vụ chi ĐTPT theo quy định của Luật NSNN, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Dự toán chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực chi, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội.

Cụ thể:

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2024 là: 14.049.090 triệu đồng, trong đó:

a) Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 120.37.786 triệu đồng, bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 3.081.043 triệu đồng;
- Chi thường xuyên: 8.647.816 triệu đồng;
- Chi dự phòng ngân sách: 307.937 triệu đồng;
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng;

b) Ghi thu ghi chi vốn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ: 31.960 triệu đồng.

c) Chi trả nợ gốc và lãi vay đến hạn: 118.700 triệu đồng;

d) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương 1.860.644 triệu đồng.

3. Phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

- Về phương án phân bổ vốn đầu tư:

Phương án bố trí vốn theo đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14) và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14

tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021 - 2025.

- Về chi thường xuyên:

Trên cơ sở Luật NSNN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn, các văn bản pháp luật có liên quan; Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị về cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công; nội dung trình nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2024; chính sách, chế độ, định mức chi NSNN; dự toán chi thường xuyên được xây dựng chi tiết theo từng lĩnh vực chi, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, các chính sách cho người dân trong bối cảnh còn nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh. Tiếp tục thực hiện giảm biên chế đối với các trường hợp đến hết năm 2023 chưa thực hiện được mục tiêu tại Kết luận số 28-KL/TW của Bộ Chính trị hoặc theo biên chế năm 2023 đối với các trường hợp đã đạt mục tiêu tại Kết luận số 28-KL/TW. Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo.

(Số liệu chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024

Nhiệm vụ thu ngân sách năm 2024 hết sức nặng nề, trong khi đó nhu cầu kinh phí phục vụ các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế xã hội ngày càng nhiều. Theo dự báo thì kinh tế nước ta nói chung và tỉnh nhà nói riêng trong năm tới vẫn còn gặp khó khăn. Để đảm bảo đạt hoàn thành dự toán, đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn của các cấp, các ngành để cùng hoàn thành các mục tiêu đã đặt ra. Do đó cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

1. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh.

Các sở, ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương tập trung chỉ đạo triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh, đặc biệt là tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các dự án trọng điểm theo đúng tiến độ góp phần tạo nguồn thu ổn định, vững chắc cho NSNN; phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thuế, Hải quan nắm chắc nguồn thu để thực hiện các giải pháp đồng bộ để tăng thu, nhất là các địa bàn, lĩnh vực, doanh nghiệp có nguồn thu lớn. Tập trung hỗ trợ, giải quyết kịp thời những vướng mắc cho doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn về thuế, đặc biệt là cách tiếp cận để đề ra các biện pháp tuyên truyền, hỗ trợ, phục vụ người nộp thuế một

cách hiệu quả, thiết thực. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh để tăng thu cho NSNN.

2. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế.

- Cơ quan Thuế, Tài chính các cấp: Tập trung triển khai thực hiện các giải pháp thu hồi nợ thuế, đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế nhằm thu dứt điểm nợ thuế có khả năng thu năm 2022 chuyển sang, hạn chế nợ mới phát sinh; phân loại các khoản nợ thuế để thực hiện các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định. Báo cáo kịp thời UBND các cấp để chỉ đạo các cơ quan chức năng trên địa bàn phối với cơ quan thuế trong việc đôn đốc, thu hồi và thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo pháp luật quy định.

- Tình hình nợ đọng thuế của các doanh nghiệp đang ở mức khá cao và tập trung ở một số doanh nghiệp. Các ngành, các cấp như: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, Kho bạc nhà nước tỉnh, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, các Ngân hàng thương mại và các ngành liên quan phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thuế để tăng cường công tác chống thất thu và thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Tiến hành kiểm tra rà soát các dự án, các hợp đồng thuê đất nhưng không đưa vào sử dụng và còn nợ tiền thuê đất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Tiếp tục thực hiện các đề án, kế hoạch về công tác chống thất thu trong các lĩnh vực: xăng dầu, khai thác khoáng sản, xây dựng vận tải, dịch vụ du lịch, thu thuế ngoài quốc doanh...

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, kiểm tra hoàn thuế giá trị gia tăng, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp gian lận, lợi dụng chính sách hoàn thuế để chiếm đoạt tiền của NSNN, nhất là các doanh nghiệp, lĩnh vực có nguy cơ không đạt dự toán thu. Thường xuyên rà soát tài khoản tạm thu, tạm giữ để chuyển nộp NSNN đúng quy định; đôn đốc các khoản phải thu theo kết quả kiểm toán, thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật; tổ chức triển khai thực hiện tốt các Luật thuế mới đi đôi với đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan; công khai, minh bạch các quy trình, thủ tục hành chính thuế, hải quan.

- Tiếp tục đẩy mạnh thu từ nguồn cấp quyền sử dụng đất: Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố phải xây dựng phát triển quỹ đất để tăng từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất ngay từ đầu năm, đề ra các giải pháp đồng bộ để chỉ đạo triển khai thực hiện tốt, trong đó: Cần tập trung chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư triển khai nhanh các dự án nhà ở thương mại, các dự án phát triển quỹ đất; đẩy nhanh tiến độ trong việc xác định giá đất cụ thể, xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất, nhất là đối với các

khu đất đầu giá thuộc đô thị, trung tâm thương mại, dịch vụ, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có khả năng sinh lời đặc biệt, có lợi thế trong việc sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh, thương mại và dịch vụ để xác định giá khởi điểm.

3. Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN.

Thực hiện Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Các sở, ngành, địa phương điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp, chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi; quản lý chặt chẽ, chi trong phạm vi dự toán được giao. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư công, nhất là vốn đầu tư từ NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ; thực hiện nghiêm quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng ... và các văn hướng dẫn, xử lý nợ đọng XDCCB; chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi NSNN trong trường hợp thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đầu tư, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản mới. Tăng cường công tác quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, xử lý vi phạm trong công tác quyết toán dự án hoàn thành.

- Rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi thường xuyên; lồng ghép các chính sách, tiết kiệm triệt để các khoản chi ngay từ khâu phân bổ dự toán và thực hiện dự toán; giảm tối đa và công khai các khoản chi hội nghị, hội thảo, khánh tiết, lễ hội, động thổ, khởi công, khánh thành công trình; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; hạn chế mua trang thiết bị đắt tiền, mở rộng hình thức khoán xe ô tô đảm bảo hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm.

- Thực hiện tốt các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện chi trả đầy đủ, kịp thời theo tiến độ các khoản kinh phí đã bố trí trong dự toán cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

4. Tăng cường công tác quản lý thị trường, giá cả.

Các ngành, địa phương cần tăng cường phối hợp chặt chẽ, chủ động phòng chống, phát hiện và xử lý nghiêm nạn buôn lậu, gian lận thương mại và sản xuất kinh doanh hàng giả. Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đối với các mặt hàng quan trọng, thiết yếu phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát. Tăng cường

kiểm tra, thanh tra, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giá. Công khai thông tin về giá, điều hành giá để tạo sự đồng thuận trong xã hội.

5. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực.

Các sở, ngành, địa phương tổ chức sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy hoạch, đề án đã phê duyệt; giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác cổ phần hóa một số đơn vị sự nghiệp công theo đề án, kế hoạch đã phê duyệt. Tạo cơ chế nhằm đa dạng hóa các loại hình liên doanh, liên kết giữa các đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp ngoài công lập nhằm nâng cao số lượng và chất lượng cung ứng dịch vụ công.

6. Đẩy mạnh việc thoái vốn nhà nước trong các DNNN đã cổ phần hoá theo đề án, kế hoạch đã phê duyệt.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện lộ trình thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hoá thuộc diện Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối hoặc không nắm giữ cổ phần, vốn góp theo đề án kế hoạch đã phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đảm bảo việc triển khai theo đúng lộ trình đã được phê duyệt. Tăng cường chức năng quản lý, giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý tài chính nhà nước và của chủ sở hữu nhà nước. Thực hiện công khai minh bạch kết quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo quy định.

7. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Các sở, cơ quan đơn vị thuộc tỉnh và các địa phương thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính – ngân sách, đảm bảo các khoản thu, chi ngân sách phải được dự toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng kinh phí ngân sách. Tổ chức thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện nghiêm quy định không ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chương trình, đề án có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không hoặc chưa cân đối được nguồn. Tập trung chỉ đạo công tác quyết toán vốn đầu tư đối với các công trình, dự án hoàn thành.

- Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và việc xử lý sau thanh, kiểm tra, kiểm toán đối với những trường hợp vi phạm, gây lãng phí tiền, tài sản nhà nước, tài nguyên thiên nhiên. Yêu cầu hệ thống Kho bạc Nhà nước tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu, đảm bảo đúng chính

sách, chế độ quy định, nhất là các khoản chi xây dựng trụ sở, mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền.

PHẦN III

LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH

NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2024-2026

I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính 03 năm 2021-2023

1. Về thu ngân sách

Triển khai nhiệm vụ giai đoạn đầu của nhiệm kỳ 2021-2025 trong bối cảnh tình hình dịch bệnh đặc biệt là đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, tác động mạnh mẽ đến việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh đã chỉ đạo tích cực và quyết liệt các ngành, các cấp với nhiều giải pháp đồng bộ, tích cực; tăng cường phối hợp giữa cơ quan thu, cơ quan tài chính và các lực lượng chức năng trong quản lý thu NSNN nên thu ngân sách các năm 2021-2022 cơ bản đạt và vượt dự toán giao trong điều kiện còn có nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, công tác quản lý thu NSNN ở một số địa bàn, lĩnh vực chưa quyết liệt, nợ đọng thuế còn lớn, một số khoản thu chưa hoàn thành kế hoạch. Các năm 2021, 2022 thu ngân sách đạt kết quả cao. Năm 2021, thu NSNN trên toàn địa bàn đạt 7.136 triệu đồng, tăng 19,7% so với năm 2020; năm 2022 đạt 8.353 triệu đồng, tăng 17% so với năm 2021, tăng 40% so với năm 2020

Năm 2023, là năm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Dự toán thu Ngân sách năm 2023 được xây dựng tích cực, khả thi với tinh thần phấn đấu, nỗ lực cao nhất, theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ, nuôi dưỡng nguồn thu. Tuy vậy các tháng đầu năm 2023 tình hình sản xuất kinh doanh đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, sức ép lạm phát, tỷ giá và lãi suất gia tăng, do đó thu ngân sách tỉnh chưa đạt tiến độ giao.

2. Về chi ngân sách

2.1. Chi đầu tư

Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 triển khai trong giai đoạn gặp nhiều khó khăn, thách thức như: vị trí địa lý ở xa các trung tâm chính trị, kinh tế lớn của cả nước; xuất phát điểm của nền kinh tế thấp; tích lũy nội bộ của nền kinh tế còn hạn chế. Bên cạnh đó, Quảng Bình chịu ảnh hưởng các đợt mưa lũ, bão lớn liên tiếp xảy ra, đại dịch Covid-19... đã ảnh hưởng nặng nề. Tuy nhiên,

với sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương, tỉnh Quảng Bình đã tập trung nguồn lực và huy động các nguồn vốn khác ngoài ngân sách để đầu tư kết cấu hạ tầng ngày càng đồng bộ từng bước hiện đại đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư, đã tạo động lực thu hút đầu tư từ các nguồn vốn khác cho phát kinh tế xã hội.

Giai đoạn 2021-2023. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Bình giao vốn đầu tư công hàng năm sớm (trước 31/12 năm trước năm kế hoạch. Trong quá trình triển khai, kịp thời điều chỉnh, xử lý những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh, rà soát, điều chỉnh dự án đầu tư, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hàng năm để phát huy hiệu quả nguồn vốn. Các trường hợp vượt thẩm quyền, tỉnh luôn kịp thời báo cáo Bộ, ngành Trung ương để sớm được giải quyết.

Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đầu tư công; quản lý chặt chẽ tiến độ, chất lượng và giải ngân vốn đầu tư của các dự án. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo nguyên tắc hậu kiểm, bảo đảm tính tuân thủ các quy định và hiệu quả đầu tư công; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi, giám sát đánh giá đầu tư.

- Tổng số vốn NSTW (trong nước) tỉnh Quảng Bình được Thủ tướng giao giai đoạn 2021-2025 là 6.081.997 triệu đồng, trong đó đã giao giai đoạn 2021-2023 là 4.907.244 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 80,7% kế hoạch đầu tư công trung hạn. Năm 2021 giải ngân đạt 92%, năm 2022 đạt 90%, dự kiến năm 2023 đạt 99%.

- Tổng số vốn NSTW (vốn nước ngoài) tỉnh Quảng Bình được Thủ tướng giao giai đoạn 2021-2025 là 1.853.783 triệu đồng, trong đó đã giao giai đoạn 2021-2023 là 1.857.839 triệu đồng, tuy nhiên do nhiều nguyên nhân, tỷ lệ giải ngân vốn nước ngoài tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2023 đạt kết quả thấp và số vốn nước ngoài không giải hết hàng năm sẽ bị hủy dự toán nên số vốn nước ngoài giao thực tế giai đoạn 2021-2023 là 883.182 triệu đồng, chiếm 51,7% tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn. Năm 2021 đạt tỷ lệ giải ngân 40%, năm 2022 đạt 29%, năm 2023 đạt 86%.

- Tổng số vốn trung hạn ngân sách địa phương giao 14.694,832 tỷ đồng, trong đó tổng số vốn phân bổ 03 năm: 8.980,471 tỷ đồng đạt 61,11% kế hoạch trung hạn. Tỷ lệ giải ngân các năm đạt như sau: năm 2021 95%, năm 2022 70%.

2.2. Chi thường xuyên

Chi thường xuyên ngân sách thực hiện tốt theo định hướng của Chính phủ và UBND tỉnh, trong đó tập trung cho con người, an sinh xã hội, hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán, triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách, chủ động

dành nguồn cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đáp ứng kịp thời kinh phí cho các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, đặc biệt kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, quan trọng khác của tỉnh.

Các năm từ 2021-2023, mặc dù triển khai nhiệm vụ trong điều kiện khó khăn UBND tỉnh đã chỉ đạo các giải pháp điều hành thu chi ngân sách linh hoạt, đảm bảo cân đối trong điều kiện hớt thu ngân sách. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính về tiết kiệm chi thường xuyên, UBND tỉnh văn bản chỉ đạo các ngành thực hiện một số biện pháp điều hành ngân sách các tháng còn lại, qua đó tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên và cắt giảm 50% chi công tác, hội nghị những tháng cuối năm 2021. Số chi tiết kiệm được là 30.077 triệu đồng (ngân sách cấp tỉnh là 12.856 triệu đồng; ngân sách huyện, thị xã, thành phố 17.221 triệu đồng). Ngoài ra UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo cắt giảm tối thiểu 50% chi phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại trong năm 2021 và tiết kiệm thêm 10% kinh phí chi thường xuyên khác còn lại của năm 2021 không tính tiền lương và các khoản thu nhập khác; thu hồi các khoản chi thường xuyên chưa thực sự cần thiết, chậm triển khai để bổ sung dự phòng ngân sách địa phương, tập trung kinh phí cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid -19.

II. Xây dựng Kế hoạch tài chính 03 năm 2024-2026

Thực hiện Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm.

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương 05 năm 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân thông qua; tình hình thực hiện dự toán ngân sách tỉnh năm 2023; những cơ chế, chính sách do Trung ương và địa phương ban hành dự kiến thực hiện trong thời gian 03 năm để đảm bảo hoạt động tài chính – ngân sách nhà nước.

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2024 và số dự kiến thu, chi được Bộ Tài chính thông báo, UBND tỉnh Quảng Bình lập dự kiến kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước năm 2024-2026, cụ thể như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước.

- Các khoản thu ngân sách địa phương trên địa bàn dự kiến năm sau tăng so với ước thực hiện năm trước từ 5% đến 7%.

- Các khoản thu bổ sung ngân sách cấp trên, ngoài bổ sung cân đối ổn định, thu bổ sung có mục tiêu căn cứ lộ trình tăng tiền lương và các chế độ chính sách theo quy định.

2. Về chi ngân sách nhà nước.

Dự toán chi ngân sách địa phương được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các chính sách và chế độ chi ngân sách do cấp có thẩm quyền ban hành; được tổng hợp chi tiết theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, các khoản chi khác và chi tiết theo từng năm, cụ thể.

(Chi tiết tại Phụ lục 03-04 kèm theo)

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2023, dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, UBND tỉnh kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, KH&ĐT;
- Cục Thuế tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Lưu VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Mạnh Hùng

ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 4/7 /BC-UBND ngày 17 tháng 1 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Dự toán năm 2023		Ước thực hiện 2023	So sánh với		
			Trung ương	Địa phương		DTTW	DTĐP	TH 2022
A	PHẦN THU							
	Tổng thu NSNN (I+II+III)	17.267.338	13.871.379	15.144.379	13.662.111	98,49	90,21	79,12
	<i>NSDP được hưởng</i>	<i>16.768.640</i>	<i>13.319.579</i>	<i>14.357.579</i>	<i>12.802.404</i>	<i>96,12</i>	<i>89,17</i>	<i>76,35</i>
I	Thu tại địa bàn (1+2)	8.350.704	6.152.000	7.000.000	5.702.965	92,70	81,47	68,29
1	Thu cân đối ngân sách	8.137.180	5.887.000	6.500.000	5.087.965	86,43	78,28	62,53
1.1	Thu DNNN TW	188.208	180.000	180.000	213.490	118,61	118,61	113,43
1.2	Thu DNNN ĐP	81.958	79.000	79.000	104.487	132,26	132,26	127,49
1.3	Thu từ DN đầu tư nước ngoài	142.327	370.000	370.000	70.033	18,93	18,93	49,21
1.4	Thu từ khu vực kinh tế NQD	670.218	780.000	780.000	856.000	109,74	109,74	127,72
1.5	Thu thuế trước bạ	358.367	390.000	390.000	220.700	56,59	56,59	61,58
1.6	Thuế SD đất phi NN	14.861	8.000	10.000	13.365	167,06	133,65	89,93
1.7	Thu tiền thuê đất	457.064	224.000	335.000	295.000	131,70	88,06	64,54
1.8	Thuế thu nhập cá nhân	306.622	380.000	380.000	220.350	57,99	57,99	71,86
1.9	Thu phí, lệ phí	227.667	230.000	230.000	233.050	101,33	101,33	102,36
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>35.466</i>	<i>30.300</i>	<i>30.300</i>	<i>31.400</i>	<i>103,63</i>	<i>103,63</i>	<i>88,53</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>192.201</i>	<i>199.700</i>	<i>199.700</i>	<i>201.650</i>	<i>100,98</i>	<i>100,98</i>	
1.10	Thu tiền sử dụng đất	5.032.139	2.500.000	3.000.000	2.100.000	84,00	70,00	41,73
1.11	Thuế bảo vệ môi trường	300.033	465.000	465.000	400.000	86,02	86,02	133,32
	<i>- Thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>	<i>156.017</i>	<i>186.000</i>	<i>186.000</i>	<i>160.000</i>	<i>86,02</i>	<i>86,02</i>	
	<i>- Thu từ hàng hóa SX trong nước</i>	<i>144.016</i>	<i>279.000</i>	<i>279.000</i>	<i>240.000</i>	<i>86,02</i>	<i>86,02</i>	
1.12	Thu khác ngân sách	231.264	170.000	170.000	211.000	124,12	124,12	91,24
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>83.144</i>	<i>60.000</i>	<i>60.000</i>	<i>42.807</i>	<i>71,34</i>	<i>71,34</i>	
	<i>- Địa phương</i>	<i>148.120</i>	<i>110.000</i>	<i>110.000</i>	<i>168.193</i>	<i>152,90</i>	<i>152,90</i>	
1.13	Thu cấp quyền KT Khoáng sản	35.312	37.000	37.000	48.890	132,14	132,14	138,45
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>15.066</i>	<i>15.000</i>	<i>15.000</i>	<i>15.000</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>	
	<i>- Địa phương</i>	<i>20.246</i>	<i>22.000</i>	<i>22.000</i>	<i>33.890</i>	<i>154,05</i>	<i>154,05</i>	
1.14	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	23.311	14.000	14.000	19.400	138,57	138,57	83,22
1.15	Thu Xổ số kiến thiết	56.696	55.000	55.000	75.000	136,36	136,36	132,29
1.16	Tiền sử dụng khu vực biển	2.648	3.000	3.000	3.000			
1.17	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP hưởng	8.486	2.000	2.000	4.200	210,00	210,00	49,49
2	Thu từ XNK	213.524	265.000	500.000	615.000	232,08	123,00	288,02
II	Vay lại Chính phủ	155.583	363.700	363.700	178.467	49,07	49,07	114,71
III	Thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (nguồn vượt thu tiền sử dụng đất)			425.000	425.000			
IV	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.761.051	7.355.679	7.355.679	7.355.679	100,00	100,00	83,96
1	Bổ sung cân đối	5.207.187	4.769.303	4.769.303	4.769.303	100,00	100,00	91,59
2	Bổ sung có mục tiêu từ NSTW	3.553.864	2.586.376	2.586.376	2.586.376	100,00	100,00	72,78
	PHẦN CHI				497.204			
	TỔNG CHI NSDP (A+B)	12.526.052	13.316.579	13.900.304	12.305.200	92,41	88,52	98,24
A	Tổng chi cân đối (I+II+III+IV+V)	12.526.052	13.316.579	13.900.304	12.305.200	92,41	88,52	98,24
I	Chi đầu tư phát triển (1+2+3)	5.296.218	5.964.701	6.127.122	4.897.287	82,10	79,93	92,47
1	Chi xây dựng cơ bản	5.293.036	3.378.325	3.700.329	3.198.532	94,68	86,44	60,43
1.1	Vốn tập trung trong nước		478.625	455.400	409.860	85,63	90,00	
1.2	Vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất		2.500.000	2.827.229	2.544.506	101,78	90,00	
1.3	Vốn đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp			30.000	27.000			
1.4	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết		55.000	43.000	38.700	70,36	90,00	
1.5	Chi từ nguồn vay lại Chính phủ		344.700	344.700	178.467			

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Dự toán năm 2023		Ước thực hiện 2023	So sánh với		
			Trung ương	Địa phương		DTTW	DTĐP	TH 2022
2	Chi đầu tư phát triển khác	3.182						0,00
3	Chi vốn chương trình mục tiêu		2.586.376	2.426.793	1.698.755	65,68	70,00	
II	Chi thường xuyên	7.182.532	7.124.548	7.400.816	7.221.226	101,36	97,57	100,54
1	Chi SN kinh tế	1.111.725	0	974.509	974.509		100,00	
2	Chi SN Giáo dục - Đào tạo	2.677.208	3.235.170	3.235.170	3.235.170		100,00	120,84
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	560.604	0	548.998	548.998		100,00	97,93
4	Chi SN Văn hóa-TTDL	124.482	0	85.915	85.915		100,00	69,02
5	Chi SN khoa học và công nghệ	16.967	25.175	30.608	30.608		100,00	180,40
6	Chi SN phát thanh- Truyền hình	43.135	0	36.553	36.553		100,00	84,74
7	Chi đảm bảo xã hội	503.648	0	512.016	512.016		100,00	101,66
8	Chi QLHC-Đảng, Đoàn thể	1.628.668	0	1.304.355	1.304.355		100,00	80,09
9	Chi ANQP địa phương	323.355	0	266.846	266.846		100,00	82,52
10	Chi khác ngân sách	71.383	0	52.136	52.136		100,00	73,04
11	Chi hoạt động môi trường	91.921	0	174.120	174.120		100,00	189,42
12	Nguồn dự phòng kinh phí thực hiện các chế độ tăng thêm		0	79.590				
III	Chi dự phòng ngân sách		207.330	309.466	123.787	59,71	40,00	
IV	Chi bổ sung quỹ DTTC	1.000	1.000	1.000	1.000	100,00	100,00	100,00
V	Chi trả nợ vay gốc và lãi vay	46.302	19.000	61.900	61.900		100,00	

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 417 /BC-UBND ngày 01 tháng 1 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2023		Ước thực hiện 2023	Dự toán 2024		So sánh		
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương	DTĐP 2023	ƯTH 2023	DTTW 2024
A	PHẦN THU								
	Tổng thu NSNN (I+II+III)	13.871.379	15.144.379	13.662.111	14.903.229	15.083.210	99,6%	110,4%	101,2%
	<i>Trong đó: NSĐP được hưởng</i>	<i>13.316.579</i>	<i>14.357.579</i>	<i>12.802.404</i>	<i>13.952.409</i>	<i>14.049.090</i>	<i>97,9%</i>	<i>109,7%</i>	<i>100,7%</i>
I	Thu tại địa bàn (1+2)	6.152.000	7.000.000	5.702.965	6.070.000	6.101.960	87,2%	107,0%	100,5%
1	Thu cân đối ngân sách	5.887.000	6.500.000	5.087.965	5.370.000	5.370.000	82,6%	105,5%	100,0%
1.1	Thu DNNN TW	180.000	180.000	213.490	175.000	175.000	97,2%	82,0%	100,0%
1.2	Thu DNNN ĐP	79.000	79.000	104.487	90.000	90.000	113,9%	86,1%	100,0%
1.3	Thu từ DN đầu tư nước ngoài	370.000	370.000	70.033	145.000	145.000	39,2%	207,0%	100,0%
1.4	Thu từ khu vực kinh tế NQD	780.000	780.000	856.000	882.000	882.000	113,1%	103,0%	100,0%
1.5	Thu thuế trước bạ	390.000	390.000	220.700	245.000	245.000	62,8%	111,0%	100,0%
1.6	Thuế SD đất phi NN	8.000	10.000	13.365	12.000	12.000	120,0%	89,8%	100,0%
1.7	Thu tiền thuê đất	224.000	335.000	295.000	130.000	130.000	38,8%	44,1%	100,0%
1.8	Thuế thu nhập cá nhân	380.000	380.000	220.350	225.000	225.000	59,2%	102,1%	100,0%
1.9	Thu phí, lệ phí	230.000	230.000	233.050	235.000	235.000	102,2%	100,8%	100,0%
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>30.300</i>	<i>30.300</i>	<i>31.400</i>	<i>35.300</i>	<i>35.300</i>	<i>116,5%</i>	<i>112,4%</i>	<i>100,0%</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>199.700</i>	<i>199.700</i>	<i>201.650</i>	<i>199.700</i>	<i>199.700</i>	<i>100,0%</i>	<i>99,0%</i>	<i>100,0%</i>
	<i>Trong đó: Phí BVMT đối với KTKS</i>	<i>30.300</i>	<i>30.300</i>	<i>43.200</i>	<i>43.000</i>	<i>43.000</i>	<i>141,9%</i>	<i>99,5%</i>	<i>100,0%</i>
1.10	Thu tiền sử dụng đất	2.500.000	3.000.000	2.100.000	2.600.000	2.600.000	86,7%	123,8%	100,0%
1.11	Thuế bảo vệ môi trường	465.000	465.000	400.000	315.000	315.000	67,7%	78,8%	100,0%
	<i>- Thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>	<i>186.000</i>	<i>186.000</i>	<i>160.000</i>	<i>126.000</i>	<i>126.000</i>	<i>67,7%</i>	<i>78,8%</i>	<i>100,0%</i>
	<i>- Thu từ hàng hóa SX trong nước</i>	<i>279.000</i>	<i>279.000</i>	<i>240.000</i>	<i>189.000</i>	<i>189.000</i>	<i>67,7%</i>	<i>78,8%</i>	<i>100,0%</i>
1.12	Thu khác ngân sách	170.000	170.000	211.000	185.000	185.000	108,8%	87,7%	100,0%
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>60.000</i>	<i>60.000</i>	<i>42.807</i>	<i>77.000</i>	<i>77.000</i>	<i>128,3%</i>		<i>100,0%</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>110.000</i>	<i>110.000</i>	<i>168.193</i>	<i>108.000</i>	<i>108.000</i>	<i>98,2%</i>	<i>64,2%</i>	<i>100,0%</i>
	<i>Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	<i>18.163</i>	<i>20.900</i>	<i>20.900</i>			
1.13	Thu cấp quyền KT Khoáng sản	37.000	37.000	48.890	37.000	37.000	100,0%	75,7%	100,0%
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>15.000</i>	<i>15.000</i>	<i>15.000</i>	<i>13.600</i>	<i>13.600</i>	<i>90,7%</i>		<i>100,0%</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>22.000</i>	<i>22.000</i>	<i>33.890</i>	<i>23.400</i>	<i>23.400</i>	<i>106,4%</i>	<i>69,0%</i>	<i>100,0%</i>
1.14	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	14.000	14.000	19.400	14.000	14.000	100,0%	72,2%	100,0%
1.15	Thu tiền sử dụng khu vực biển	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000			100,0%
1.16	Thu Xổ số kiến thiết	55.000	55.000	75.000	75.000	75.000	136,4%	100,0%	100,0%
1.17	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSĐP hưởng 100%	2.000	2.000	4.200	2.000	2.000	100,0%	47,6%	100,0%
2	Thu từ XNK	265.000	500.000	615.000	700.000	700.000	140,0%	113,8%	100,0%
3	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ					31.960			
II	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.355.679	7.355.679	7.355.679	8.591.329	8.591.329	116,8%	116,8%	100,0%
1	Bổ sung cân đối	4.769.303	4.769.303	4.769.303	4.864.703	4.864.703	102,0%	102,0%	100,0%

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2023		Ước thực hiện 2023	Dự toán 2024		So sánh		
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương	DTĐP 2023	ƯTH 2023	DTTW 2024
2	Bổ sung có mục tiêu từ NSTW	2.586.376	2.586.376	2.586.376	2.946.675	2.946.675	113,9%	113,9%	100,0%
3	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương				779.951	779.951			
III	Vay lại Chính phủ	363.700	363.700	178.467	241.900	241.900	66,5%	135,5%	100,0%
IV	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang		425.000	425.000		148.021		34,8%	
	PHẦN CHI								
	TỔNG CHI NSDP (A+B+C+D)	13.316.579	14.354.579	12.305.200	13.952.409	14.049.090	97,9%	114,2%	100,7%
A	Tổng chi cân đối (I+II+III+IV)	10.730.203	11.927.786	10.606.445	10.887.034	12.037.786	100,9%	113,5%	110,6%
I	Chi đầu tư phát triển (1.1-1.3)	3.378.325	4.154.604	3.198.532	3.276.825	3.081.043	74,2%	96,3%	94,0%
1	Chi xây dựng cơ bản	3.378.325	4.154.604	3.198.532	3.276.825	3.081.043	74,2%	96,3%	94,0%
1.1	Vốn tập trung trong nước	478.625	478.625	409.860	443.225	443.225	92,6%		100,0%
1.2	Vốn đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp		24.050	27.000		22.008			
1.3	Vốn thu từ tiền sử dụng đất	2.500.000	2.827.229	2.544.506	2.600.000	2.382.210	84,3%		91,6%
1.4	Chi đầu tư từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất 2022		425.000						
1.5	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	55.000	55.000	38.700	75.000	75.000			100,0%
1.6	Chi đầu tư từ nguồn vay lại Chính phủ	344.700	344.700	178.467	158.600	158.600	46,0%	88,9%	100,0%
II	Chi thường xuyên	7.124.548	7.400.816	7.221.226	7.393.932	8.647.816	116,8%	119,8%	117,0%
1	Chi SN kinh tế		974.509	974.509		1.392.835	142,9%	142,9%	
2	Chi SN Giáo dục - Đào tạo	3.235.170	3.235.170	3.235.170	3.695.456	3.695.456	114,2%	114,2%	100,0%
3	Chi SN Y tế, dân số và gia đình		548.998	548.998		624.838	113,8%	113,8%	
4	Chi SN Văn hóa-TTDL		85.915	85.915		87.293	101,6%	101,6%	
5	Chi SN khoa học và công nghệ	25.175	30.608	30.608	25.909	31.856	104,1%	104,1%	123,0%
6	Chi SN phát thanh- Truyền hình		36.553	36.553		41.569	113,7%	113,7%	
7	Chi đảm bảo xã hội		512.016	512.016		580.245	113,3%	113,3%	
8	Chi QLHC-Đảng, Đoàn thể		1.304.355	1.304.355		1.629.023	124,9%	124,9%	
9	Chi ANQP địa phương		266.846	266.846		248.921	93,3%	93,3%	
10	Chi khác ngân sách		52.136	52.136		52.636	101,0%	101,0%	
11	Chi hoạt động môi trường		174.120	174.120		163.144	93,7%	93,7%	
12	Dự phòng hụt thu cân đối		100.000			100.000			
13	Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		79.590	0		0	0,0%		
III	Chi dự phòng ngân sách	207.330	309.466	123.787	215.277	307.927	99,5%		143,0%
IV	Chi bổ sung quỹ DTTC	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	100,0%	100,0%	100,0%
B	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ					31.960			
C	Chi trả nợ gốc và lãi vay	19.000	61.900	61.900	118.700	118.700	191,8%	191,8%	100,0%
E	Chi vốn chương trình mục tiêu	2.586.376	2.426.793	1.698.755	2.946.675	1.860.644	76,7%	109,5%	63,1%
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.748.251	1.748.251		1.205.510	1.205.510			
2	Bổ sung thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	159.583			1.086.031				
3	Bổ sung vốn thực hiện các CTMTQG	678.542	678.542		655.134	655.134			

PHỤ LỤC SỐ 03

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU CHI NSNN 3 NĂM GIAI ĐOẠN 2023-2025

(Kèm theo Báo cáo số: 417 /BC-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2023		Ước thực hiện 2023	Dự toán năm 2024		Dự kiến 2025	Dự kiến 2026
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương		
	PHẦN THU							
	Tổng thu NSNN (I+II+III)	13.871.379	15.144.379	13.662.111	14.903.229	15.083.210	15.170.948	15.165.244
	<i>Trong đó: ĐP được hưởng</i>	<i>13.316.579</i>	<i>14.357.579</i>	<i>12.802.404</i>	<i>13.952.409</i>	<i>14.049.090</i>	<i>14.206.453</i>	<i>14.257.525</i>
I	Thu tại địa bàn (1+2)	6.152.000	7.000.000	5.702.965	6.070.000	6.070.000	5.608.500	5.683.925
1	Thu cân đối ngân sách	5.887.000	6.500.000	5.087.965	5.370.000	5.370.000	4.908.500	5.053.925
1.1	Thu từ khu vực DNNN Trung ương	180.000	180.000	213.490	175.000	175.000	183.750	192.938
1.2	Thu từ khu vực DNNN Địa phương	79.000	79.000	104.487	90.000	90.000	94.500	99.225
1.3	Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN	370.000	370.000	70.033	145.000	145.000	152.250	159.863
1.4	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	780.000	780.000	856.000	882.000	882.000	926.100	972.405
1.5	Thu thuế trước bạ	390.000	390.000	220.700	245.000	245.000	257.250	270.113
1.6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.000	10.000	13.365	12.000	12.000	12.600	13.230
1.7	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	224.000	335.000	295.000	130.000	130.000	136.500	143.325
1.8	Thuế thu nhập cá nhân	380.000	380.000	220.350	225.000	225.000	236.250	248.063
1.9	Thu phí, lệ phí	230.000	230.000	233.050	235.000	235.000	246.750	259.088
	- Trung ương	30.300	30.300	31.400	35.300	35.300	37.065	38.918
	- Địa phương	199.700	199.700	201.650	199.700	199.700	209.685	220.169
	T. đó: Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản	30.300	30.300	43.200	43.000	43.000	45.150	47.408
1.10	Thu tiền sử dụng đất	2.500.000	3.000.000	2.100.000	2.600.000	2.600.000	2.000.000	2.000.000
1.11	Thuế bảo vệ môi trường	465.000	465.000	400.000	315.000	315.000	330.750	347.288
	+ Số thu NSTW hưởng	186.000	186.000	160.000	126.000	126.000	132.300	138.915
	+ Số thu phân chia NSTW và NSDP	279.000	279.000	240.000	189.000	189.000	198.450	208.373
1.12	Thu khác ngân sách	170.000	170.000	211.000	185.000	185.000	194.250	203.963
	Bao gồm: - Trung ương	60.000	60.000	42.807	77.000	77.000	80.850	84.893
	- Địa phương	110.000	110.000	168.193	108.000	108.000	113.400	119.070
	Tr.đó: Thu xử phạt ATGT	10.000	10.000	18.163	20.900	20.900	21.945	23.042
1.13	Thu cấp quyền KT Khoáng sản	37.000	37.000	48.890	37.000	37.000	38.850	40.793
	- Thu từ các mô do TW cấp	15.000	15.000	15.000	13.600	13.600	14.280	14.994
	- Thu từ các mô do ĐP cấp	22.000	22.000	33.890	23.400	23.400	24.570	25.799
1.14	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	14.000	14.000	19.400	14.000	14.000	14.700	15.435
1.15	Thu tiền sử dụng khu vực biển			2.700	3.000	3.000	3.150	3.308
1.16	Thu Xổ số kiến thiết	55.000	55.000	75.000	75.000	75.000	78.750	82.688
1.16	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP hưởng 100%	2.000	2.000	4.200	2.000	2.000	2.100	2.205
2	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	265.000	500.000	615.000	700.000	700.000	700.000	630.000
II	Thu vay Chính phủ	363.700	363.700	178.467	241.900	241.900	250.472	111.691
III	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.355.679	7.355.679	7.355.679	8.591.329	8.591.329	9.311.976	9.369.628
1	Bổ sung cân đối	4.769.303	4.769.303	4.769.303	4.864.703	4.864.703	4.864.703	4.864.703
2	Bổ sung theo mục tiêu	2.586.376	2.586.376	2.586.376	2.946.675	2.946.675	2.946.675	2.946.675
3	Bổ sung C. trình MTQG	505.978	505.978	505.978	655.134	655.134	720.647	778.299
4	Bổ sung làm lương	0	0	497.204	779.951	779.951	779.951	779.951
	PHẦN CHI						0	0
A	Tổng chi NSDP (I+II)	13.316.579	14.354.579	12.305.200	13.952.409	14.049.090	14.206.453	14.257.525
I	Chi cân đối NSDP (1+2+3+4+5+6)	10.730.203	11.927.786	10.606.445	10.887.034	12.037.786	12.251.645	12.288.086
1	Chi đầu tư phát triển	3.378.325	4.154.604	3.198.532	3.276.825	3.081.043	2.641.098	2.571.453
	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	3.378.325	4.154.604	3.198.532	3.276.825	3.081.043	2.641.098	2.571.453
1.1	Vốn tập trung trong nước	478.625	478.625	409.860	443.225	443.225	443.225	443.225
1.2	Vốn đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp	0	24.050	27.000	0	22.008	22.008	22.008
1.3	Vốn thu từ tiền sử dụng đất	2.500.000	2.827.229	2.544.506	2.600.000	2.382.210	1.905.836	1.891.205
1.4	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	55.000	55.000	38.700	75.000	75.000	75.000	75.000

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2023		Ước thực hiện 2023	Dự toán năm 2024		Dự kiến 2025	Dự kiến 2026
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương		
1.5	Chi từ nguồn vay lại Chính phủ	344.700	344.700	178.467	158.600	158.600	195.029	140.015
2	Hỗ trợ doanh nghiệp						0	0
2	Chi thường xuyên	7.124.548	7.400.816	7.221.226	7.393.932	8.647.816	9.275.882	9.379.252
2.1	Chi các hoạt động kinh tế	0	974.509	974.509	0	1.392.835	1.806.503	1.804.974
2.2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.235.170	3.235.170	3.235.170	3.695.456	3.695.456	3.769.365	3.819.306
2.3	Chi y tế, dân số và gia đình	0	548.998	548.998	0	624.838	637.335	540.000
2.4	Chi văn hóa thông tin, thể dục, thể thao	0	85.915	85.915	0	87.293	89.039	98.000
2.5	Chi khoa học và công nghệ	25.175	30.608	30.608	25.909	31.856	32.493	27.000
2.6	Chi phát thanh, truyền hình	0	36.553	36.553	0	41.569	42.400	46.640
2.7	Chi bảo đảm xã hội	0	512.016	512.016	0	580.245	749.206	843.672
2.8	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	0	1.304.355	1.304.355	0	1.629.023	1.661.604	1.669.912
2.9	Chi quốc phòng, an ninh	0	266.846	266.846	0	248.921	261.367	288.811
2.10	Chi sự nghiệp khác	0	52.136	52.136	0	52.636	55.268	61.071
2.11	Chi bảo vệ môi trường	0	174.120	174.120	0	163.144	171.302	179.867
2.12	Nguồn dự phòng kinh phí thực hiện các chế độ tăng thêm	0	79.590	0	0	0		
3	Dự phòng ngân sách	207.330	309.466	123.787	215.277	307.927	333.665	336.380
4	Chi bổ sung quỹ DTTC	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
5	Chi trả nợ gốc và lãi vay	19.000	61.900	61.900	118.700	118.700	94.164	108.795
II	Chi vốn chương trình mục tiêu	2.586.376	2.426.793	1.698.755	2.946.675	1.860.644	1.860.644	1.860.644
III	BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP							

KẾ HOẠCH VAY VÀ TRẢ NỢ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số: 417 /BC-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Năm 2023		Dự kiến năm 2024	So sánh năm 2024 so với U' TH	Dự kiến năm 2025	Dự kiến năm 2026
		Dự toán	Ước thực hiện				
A	B	1	2	3	4=3/2	5	6
A	MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP	897.176	897.176	1.024.436	1,14	929.028	955.479
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	376.700	178.467	363.700		250.472	111.691
C	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC						
I	Tổng dư nợ đầu năm	607.217	607.217	707.539	1,17	763.796	929.028
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>						
1	Trái phiếu chính quyền địa phương						
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)	477.285	477.285	596.650		671.950	856.225
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	129.932	129.932	110.889		91.846	72.803
II	Trả nợ gốc vay trong năm	78.145	78.145	102.343	1,31	85.240	85.240
1	Nợ gốc phải trả phân theo nguồn vay	78.145	78.145	102.343	1,31	85.240	85.240
	- Trái phiếu chính quyền địa phương	0	0	0			
	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	59.102	59.102	83.300		66.197	66.197
	- Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	19.043	19.043	19.043		19.043	19.043
2	Nguồn trả nợ	78.145	78.145	102.343	0	85.240	85.240
	- Từ nguồn vay	19.043	19.043	19.043		19.043	19.043
	- Bội thu ngân sách địa phương						
	- Tăng thu, tiết kiệm chi	59.102	59.102	83.300		66.197	66.197
	- Kết dư ngân sách cấp tỉnh						
III	Tổng mức vay trong năm	422.000	178.467	158.600	0,89	250.472	111.691
1	Theo mục đích vay	0	0	0			
	- Vay bù đắp bội chi	0	0	0		250.472	
	- Vay trả nợ gốc	0	0	0			
2	Theo nguồn vay	422.000	178.467	158.600	0	250.472	111.691
	- Trái phiếu chính quyền địa phương						
	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	422.000	178.467	158.600		250.472	111.691
	- Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật						
IV	Tổng dư nợ cuối năm	951.072	707.539	763.796	1,08	929.028	955.479
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>						
		65	79	79			
1	Trái phiếu chính quyền địa phương						
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)	840.183	596.650	671.950	0	856.225	901.719
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	110.889	110.889	91.846		72.803	53.760
D	Trả nợ lãi, phí	2.798	2.798	35.400		38.238	38.149